

Số: 354 /QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo đại học bằng thứ hai ngành
Luật Kinh tế, hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đạo tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học bằng thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo theo tín chỉ đối với ngành Luật Kinh tế hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên và Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo đại học bằng thứ hai ngành Luật Kinh tế, hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ năm học 2017 – 2018 cho các khóa tuyển sinh từ năm 2017.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đại học Huế {để b/c};
- Website Trường;
- Lưu: VT, CTSV, ĐT, ĐBCLGD.



Đoàn Đức Lương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: BẰNG ĐẠI HỌC THỨ HAI (CHÍNH QUY)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 354/QĐ/ĐHL ngày 24 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế)

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật Kinh tế.
 - + Tiếng Anh: Economic Law.
- Mã ngành đào tạo: 52380107.
- Trình độ đào tạo: Bằng đại học thứ hai (chính quy).
- Thời gian đào tạo: 2,5 năm.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Luật Kinh tế.
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor Economic Law.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Trang bị cho người học một số kiến thức kinh tế cơ bản; các kiến thức khoa học pháp lý căn bản và tư duy pháp lý có tính hệ thống và kiến thức pháp lý chuyên sâu liên quan đến hoạt động kinh doanh trong, ngoài nước dựa trên các chuẩn mực, tập quán kinh doanh quốc tế và nền tảng đạo đức kinh doanh từ đó hình thành cho người học có thể thực hiện được một số kỹ năng pháp lý, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế:

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học lý luận chính trị bao gồm: nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên có thể độc lập tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật;

- Vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế;

- Vận dụng các kiến thức cơ bản theo khối ngành về lý luận - lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, luật hành chính và một số kiến thức cơ bản về kinh tế học vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại như: mối quan hệ giữa Nhà nước và Thị trường; mối quan hệ giữa các chủ thể kinh doanh trong xác lập, thực hiện giao dịch kinh doanh thương mại; trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo hộ quyền tự do kinh doanh và thiết lập môi trường kinh doanh an toàn, lành mạnh cho các chủ thể kinh doanh; trách nhiệm của Nhà nước trong việc giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại.

- Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý theo nhóm ngành về luật dân sự, luật hôn nhân và gia đình, luật hình sự, luật thương mại, công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế... vào các lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại như: Quyền sở hữu của doanh nghiệp đối với tài sản; sử dụng tài sản trong thời kỳ hôn nhân để tham gia hoạt động kinh doanh thương mại; trách nhiệm hình sự trong hoạt động kinh doanh; khuôn khổ pháp luật quốc tế điều chỉnh hoạt động thương mại giữa các quốc gia và các định chế thương mại quốc tế; cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài trong pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức pháp lý chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh như: pháp luật về tổ chức kinh doanh, pháp luật về hợp đồng, pháp luật lao động, pháp luật đất đai, pháp luật môi trường, pháp luật tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp luật cạnh tranh... để giải quyết các tình huống phát sinh trong đời sống kinh doanh phù hợp với pháp luật quốc gia, pháp luật và tập quán thương mại quốc tế, đạo đức kinh doanh.

- Có kiến thức cơ bản để sử dụng các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ;

- Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập để có thể làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc.

- Có khả năng sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Có năng lực dẫn dắt, thuyết phục về chuyên môn đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3.2. Về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Luật Kinh tế trong những tình huống cụ thể; có kỹ năng phân tích, tổng

hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra quan điểm, nhận định vấn đề mang tính cá nhân và kỹ năng tổng hợp ý kiến tập thể;

- Tra cứu thành thạo các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý liên quan đến việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động kinh doanh thương mại;

- Có khả năng nhận diện, đánh giá mối liên hệ giữa sự kiện, tình huống phát sinh trong hoạt động kinh doanh với các quy phạm pháp luật và đưa ra được phương án giải quyết tình huống kinh doanh thương mại đúng pháp luật, đạo đức kinh doanh;

- Có kỹ năng cơ bản trong đàm phán, giao kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận kinh doanh - thương mại;

- Có kỹ năng cơ bản trong giải quyết các tranh chấp kinh doanh - thương mại;

- Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật kinh doanh (công ty, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, kiểm toán, chứng khoán, tài chính, tài nguyên, môi trường, sở hữu trí tuệ...) một cách độc lập;

- Có kỹ năng cơ bản trong chuẩn bị thủ tục pháp lý liên quan đến thành lập và quản trị doanh nghiệp;

- Có kỹ năng tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh doanh vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp;

- Có khả năng tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân từ thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với các kiến thức đã được trang bị.

3.2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Có kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm;

- Có kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình;

- Có kỹ năng giải quyết công việc một cách logic và sáng tạo;

- Có khả năng thích ứng nhanh với thay đổi của thực tiễn;

- Bước đầu có khả năng phản biện xã hội;

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

- Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; xây dựng và quản lý được trang web đơn giản. Có

khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.

3.3. Về phẩm chất đạo đức

3.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực;
- Có ý thức vượt khó, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;
- Có tinh thần cầu thị trong học tập và lao động;
- Có thái độ thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác;
- Chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo;
- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe..

3.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn;
- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học;
- Chuyên nghiệp và chủ động trong công việc;
- Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi khách hàng; quyền lợi của công ty cũng như của cổ đông;
- Trung thành với lợi ích của công ty khi nắm giữ chức danh quản lý, điều hành công ty;
- Đáp ứng một phần tiêu chuẩn đạo đức tương ứng với chức danh nghề nghiệp như: Đạo đức luật sư, Đạo đức công vụ, Đạo đức thẩm phán, thư ký tòa, kiểm sát viên...

3.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có lòng tự tôn dân tộc;
- Có ý thức về trách nhiệm công dân;
- Có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ công lý;
- Có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

4. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Quyết định số 2836/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 cho phép Trường Đại học Luật - Đại học Huế tổ chức hoạt động từ năm học 2015 - 2016.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học bằng thứ hai.

- Quyết định số 208/QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật - Đại học Huế về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế, hình thức đào tạo chính quy.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân của nước CHXHCN Việt Nam có đủ điều kiện dự thi tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ
- Điều kiện tốt nghiệp:
 - + Thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - + Tích lũy đủ các học phần và 90 tín chỉ theo chương trình đào tạo
 - + Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học từ 2,0 điểm trở lên;

7. THANG ĐIỂM

Áp dụng thang điểm 10 và thang điểm A, B, C, D

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số tín chỉ phải tích lũy là 90 tín chỉ (TC), trong đó:

- Khối kiến thức chung:	08TC
- Khối kiến thức cơ sở ngành, khối ngành	58 TC
- Khối kiến thức chuyên ngành, trong đó:	14 TC
+ Học phần bắt buộc	06 TC
+ Học phần tự chọn	08 TC
- Thực tập - thực tế	04 TC
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	06 TC

9. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		08				
1.	LKT203008	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3	35	10	90	HK1
2.	LKT203009	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	35	10	90	HK1
3.	LKT202010	Xây dựng văn bản pháp luật	2	20	10	60	HK3
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
	* Kiến thức cơ sở ngành, khối ngành		58				
4.	LKT203018	Luật Hiến pháp	3	35	10	90	HK1
5.	LKT203019	Luật Hành chính	3	35	10	90	HK1
6.	LKT203020	Luật Hình sự	3	35	10	90	HK1
7.	LKT203021	Luật Dân sự 1	3	30	15	90	HK1
8.	LKT203022	Luật Dân sự 2	3	30	15	90	HK2
9.	LKT203023	Pháp luật sở hữu trí tuệ	3	30	15	90	HK2
10.	LKT202024	Luật Hôn nhân và gia đình	2	20	10	60	HK2
11.	LKT203025	Luật Tố tụng hình sự	3	30	15	90	HK3
12.	LKT203026	Luật Thương mại 1	3	30	15	90	HK1
13.	LKT203027	Luật Thương mại 2	3	30	15	90	HK2
14.	LKT202028	Luật Cạnh tranh	2	30	15	90	HK3
15.	LKT203029	Luật Lao động	3	30	15	90	HK2
16.	LKT202030	Pháp luật an sinh xã hội	2	30	15	90	HK3
17.	LKT203031	Luật Tài chính	3	30	15	90	HK2
18.	LKT203032	Luật Ngân hàng	3	30	15	90	HK2
19.	LKT203033	Luật Đất đai	3	30	15	90	HK2
20.	LKT202034	Luật Môi trường	2	30	15	90	HK3
21.	LKT203035	Luật Tố tụng dân sự	3	30	15	90	HK3
22.	LKT203036	Công pháp quốc tế	3	30	15	90	HK3
23.	LKT203037	Tư pháp quốc tế	3	30	15	90	HK3
24.	LKT202038	Luật Thương mại quốc tế	2	20	10	60	HK3
	* Khối kiến thức chuyên ngành (14TC)		14				
	Kiến thức bắt buộc (6 TC)		6				
25.	LKT202039	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	20	10	60	HK4
26.	LKT202040	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	2	20	10	60	HK4

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
		kinh doanh, thương mại					
27.	LKT202041	Quản trị doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp	2	20	10	60	HK4
	<i>Kiểm thức tự chọn (chọn 04 học phần 08 tín chỉ trong các học phần sau)</i>		8				
28.	LKT212042	Pháp luật xuất nhập khẩu qua biên giới	2	20	10	60	HK4
29.	LKT212043	Pháp luật về thương mại hóa tài sản trí tuệ	2	20	10	60	HK4
30.	LKT212044	Tập quán thương mại và tập quán quốc tế	2	20	10	60	HK4
31.	LKT212045	Luật Hợp đồng các nước Asean	2	20	10	60	HK4
32.	LKT212046	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	2	20	10	60	HK4
33.	LKT212047	Kỹ năng tư vấn và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong lĩnh vực dân sự	2	20	10	60	HK4
34.	LKT212048	Pháp luật về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	2	20	10	60	HK4
35.	LKT212049	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế	2	20	10	60	HK4
36.	LKT212050	Pháp luật về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất	2	20	10	60	HK4
37.	LKT212051	Pháp luật đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư	2	20	10	60	HK4
38.	LKT212052	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	20	10	60	HK4
39.	LKT212053	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	2	20	10	60	HK4
40.	LKT212054	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	2	20	10	60	HK4
41.	LKT212055	Pháp luật về thị trường chứng khoán	2	20	10	60	HK4
42.	LKT212056	Pháp luật về bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng	2	20	10	60	HK4
III	THỰC TẬP, KIẾN TẬP		4				
43.	LKT202057	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp	2	18	12	60	HK5
44.	LKT202058	Thực tập tốt nghiệp (Báo cáo thực tập tốt nghiệp)	2		30	60	HK5

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
IV	KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ KLTN		6				
45.	LKT206059	Khoá luận tốt nghiệp	6		90	180	HK5
	Các học phần thay thế KLTN <i>(Lựa chọn trong các chuyên đề tự chọn chưa mở lớp ở HK4)</i> Học phần tốt nghiệp 1: 2 Học phần tốt nghiệp 2: 2 Học phần tốt nghiệp 3: 2		6				HK5
		Tổng cộng	90				


HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
LUẬT
PGS.TS. Đoàn Đức Lương

DỰ KIẾN
PHÂN BỐ GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: BẰNG ĐẠI HỌC THỨ HAI (CHÍNH QUY)

STT	Tên Học phần	Số Tín chỉ	Tổng TC
	* Học kỳ I:		
1.	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3	21 TC
2.	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	
3.	Luật Hiến pháp	3	
4.	Luật Hành chính	3	
5.	Luật Hình sự	3	
6.	Luật Dân sự 1	3	
7.	Luật Thương mại 1	3	
	*Học kỳ II:		
8.	Luật Dân sự 2	3	23 TC
9.	Pháp luật sở hữu trí tuệ	3	
10.	Luật Hôn nhân và gia đình	2	
11.	Luật Thương mại 2	3	
12.	Luật Lao động	3	
13.	Luật Tài chính	3	
14.	Luật Ngân hàng	3	
15.	Luật Đất đai	3	
	* Học kỳ III:		
16.	Xây dựng văn bản pháp luật	2	22 TC
17.	Luật Tố tụng hình sự	3	
18.	Luật Cạnh tranh	2	
19.	Pháp luật án sinh xã hội	2	
20.	Luật Môi trường	2	
21.	Luật Tố tụng dân sự	3	
22.	Công pháp quốc tế	3	
23.	Tư pháp quốc tế	3	
24.	Luật Thương mại quốc tế	2	
	* Học kỳ IV:		
	Chuyên đề bắt buộc (06 TC):		

STT	Tên Học phần	Số Tín chỉ	Tổng TC
25.	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	06 TC
26.	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh doanh, thương mại	2	
27.	Quản trị doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp	2	
Chuyên đề tự chọn (chọn 08 TC trong các học phần sau):			
28.	Pháp luật xuất nhập khẩu qua biên giới	2	08 TC
29.	Pháp luật về thương mại hóa tài sản trí tuệ	2	
30.	Tập quán thương mại và tập quán quốc tế	2	
31.	Luật Hợp đồng các nước Asean	2	
32.	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	2	
33.	Kỹ năng tư vấn và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong lĩnh vực dân sự	2	
34.	Pháp luật về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp	2	
35.	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế	2	
36.	Pháp luật về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất	2	
37.	Pháp luật đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư	2	
38.	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	
39.	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	2	
40.	Pháp luật bảo vệ người tiêu dùng	2	
41.	Pháp luật về thị trường chứng khoán	2	
42.	Pháp luật về bảo đảm trong hoạt động tín dụng ngân hàng	2	
* Học kỳ V:			
43.	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp	2	10 TC
44.	Thực tập tốt nghiệp (Báo cáo thực tập tốt nghiệp)	2	
45.	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế KLTN	6	


HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 LUẬT
 PGS.TS. Đoàn Đức Lương